

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THANH PHÚ
TỈNH BẾN TRE**

Bản án số: **40/2025/HNGĐ-ST**

Ngày 17-4-2025

V/v: Không công nhận là vợ chồng.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH PHÚ - TỈNH BẾN TRE

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Minh Trí

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Thanh Phong

Ông Nguyễn Văn Sơn

Thư ký phiên tòa: Ông Trương Nguyễn Nhứt - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Phú, tỉnh Bến Tre.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Phú tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Cẩm Tú – Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 4 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Phú xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 378/2024/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 10 năm 2024 về việc “Yêu cầu không công nhận là vợ chồng” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 36/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 4 năm 2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Phan Văn N sinh năm: 1957; Địa chỉ: 1 ấp B, xã P, huyện T, tỉnh Bến Tre.

2. Bị đơn: Bà Phạm Thị V, sinh năm 1962; Địa chỉ: 7 ấp B, xã P, huyện T, tỉnh Bến Tre.

(Ông N, bà V đều có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản khai nguyên đơn ông Phan Văn N trình bày: Ông và bà Phạm Thị V sống chung với nhau như vợ chồng từ trước năm 1987 nhưng không có đăng ký kết hôn. Quá trình sống chung có 01 con chung là Phan Ngọc M, sinh ngày: 20/10/1991. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm nên nay yêu cầu Tòa án giải quyết không công nhận giữa ông và bà V là vợ chồng.

Về con chung: Đã trưởng thành nên không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Ngày 18/3/2025 ông Phan Văn N có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

Theo biên bản lấy lời khai, đơn xin xét xử vắng mặt bị đơn bà Phạm Thị V trình bày: Bà và ông N sống chung với nhau như vợ chồng từ trước năm 1987 nhưng không có đăng ký kết hôn. Quá trình sống chung có 01 con chung là Phan Ngọc M, sinh ngày: 20/10/1991. Bà và ông N xảy ra mâu thuẫn và đã ly thân trên 10 năm nay.

Nay ông N yêu cầu không công nhận giữa ông và bà là vợ chồng bà cũng đồng ý. Về con chung đã trưởng thành nên không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà và ông N không có nên không yêu cầu giải quyết.

Ngày 21/3/2025 bà Phạm Thị V có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

Về trình tự, thủ tục: Thẩm phán, thư ký, Hội đồng xét xử sơ thẩm, các đương sự đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 14, 15 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, điểm c Mục 3 Nghị quyết số: 35/2000/UBTVQH ngày 09/6/2000. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông N. Về hôn nhân không công nhận ông N và bà V là vợ chồng, về con chung đã trưởng thành không có yêu cầu nên không xem xét, về tài sản chung và nợ chung không có nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật: Đây là vụ án Hôn nhân gia đình theo khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[2] Về thẩm quyền: Bà Phạm Thị V có địa chỉ hộ khẩu thường trú tại 7 ấp B, xã P, huyện T, tỉnh Bến Tre. Do đó, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thạnh Phú theo quy định tại khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về tố tụng: Ông Phan Văn N và bà Phạm Thị V có yêu cầu xét xử vắng mặt. Vì vậy, căn cứ Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối với các đương sự.

[4] Về hôn nhân: Ông N và bà V tự nguyện sống chung với nhau như vợ chồng nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định nên không được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Quá trình chung sống ông, bà có 01 người con chung là Phan Ngọc M, sinh ngày: 20/10/1991 nhưng từ những mâu thuẫn trong cuộc sống mà ông, bà đã không tìm cách khắc phục và không có thiện chí hàn gắn để đoàn tụ. Quá trình giải quyết ông N và bà V đều thống nhất không công nhận ông, bà là vợ chồng. Do đó, căn cứ Điều 14, 15 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Nghị quyết số: 35/NQ-QH ngày

09/6/2000 của Ủy ban thường vụ Q, không công nhận ông Phan Văn N và bà Phạm Thị V là vợ chồng.

[5] Về con chung: Phan Ngọc M, sinh ngày: 20/10/1991 đã trưởng thành, ông N và bà V không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[6] Về tài sản chung: Ông N và bà V đều trình bày không có nên không xem xét giải quyết.

[7] Về nợ chung: Ông N và bà V đều trình bày không có nên không xem xét giải quyết.

[8] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Theo Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

[9] Về quyền kháng cáo: Đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng Điều 14, 15 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Áp dụng các Điều 28, 35, 39, 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Áp dụng điểm c Mục 3 Nghị quyết số: 35/2000/UBTVQH ngày 09/6/2000; Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của ông Phan Văn N đối với bà Phạm Thị V.

Cụ thể:

1.1 Về hôn nhân: Không công nhận ông Phan Văn N và bà Phạm Thị V là vợ chồng.

1.2 Về con chung: Ông N và bà V có 01 con chung là Phan Ngọc M, sinh ngày: 20/10/1991 đã trưởng thành, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

1.3 Về tài sản chung: Ông N và bà V trình bày không có nên không xem xét giải quyết.

1.4 Về nợ chung: Ông N và bà V trình bày không có nên không xem xét giải quyết.

2. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Ông Phan Văn N là người cao tuổi nên được miễn án phí theo quy định tại điểm đ, khoản 1 Điều 12 Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ theo quy định.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- UBND xã Phú Khánh;
- VKSND huyện Thanh Phú;
- Chi cục THADS huyện Thanh Phú;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- Lưu HS, Vp.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ
(Đã ký)**

Huỳnh Minh Trí